

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN HÙNG CƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN HÙNG CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG CUONG CONSTRUCTION AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109490514

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số 2, tổ 28, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989778999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4101        |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4211        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4222        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329        |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330        |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390        |
| 10. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020        |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; hoạt động đo đạc và bản đồ; hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.<br>thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.<br>Giám sát thi công xây dựng cơ bản | 7110(Chính) |
| 12. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: giáo dục không theo các cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; dạy ngoại ngữ và kỹ năng dạy đàm thoại; đào tạo về sự sống; đào tạo kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                       | 8559        |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4221        |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN DANH CƯỜNG | số 7/2 tổ dân phố 8, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 80,000    | 001070018701                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THỊ NGÀ        | thôn Cung Quế, Xã Gia Trấn, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 164477486                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                  |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | HOÀNG KIM HÙNG | thôn Đông, Xã Tầm Xá, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 001071009168 |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                  | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |
|   |                |                                                                  |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN DANH CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/08/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001070018701

Ngày cấp: 09/05/2019

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 7/2 tổ dân phố 8, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 7/2 tổ dân phố 8, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội